

Phụ lục số 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **502** /BC-TMD

Quảng Ninh, ngày **02** tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN
NĂM 2016

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin;**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, Đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28 tháng 10 năm 2016.
- Vốn điều lệ: 214.183.460.000 đồng *(Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 214.183.460.000 đồng *(Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).*
- Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (0 33) 3868 271/ 3868 272.
- Fax: (0 33) 3868 276.
- Website: mongduongcoal.vn
- Mã cổ phiếu: **MDC.**

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Quá trình hình thành

Ngày 01 tháng 04 năm 1982 mỏ than Mông dương- Khe Chàm được thành lập trực thuộc Liên hiệp than Hòn Gai- Bộ Mỏ và Than;

Tháng 4 năm 1987 tách thành 2 mỏ: Mỏ than Mông Dương và Mỏ than Khe Chàm trực thuộc Công ty than Cẩm Phả- Bộ Năng Lượng;

Ngày 29 tháng 12 năm 1997 Mỏ than Mông Dương được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam- Vinacomin) theo Quyết định số 24-1997/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;

Ngày 01 tháng 10 năm 2001 Hội đồng Quản trị Tổng công ty than Việt nam ban hành Quyết định số 405/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Mỏ than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- Doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt nam.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006 Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2456/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Công ty Than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- TKV.

b) Chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần

Ngày 18 tháng 12 năm 2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3673/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Công ty Than Mông Dương- TKV.

Công ty Than Mông Dương- TKV đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà Nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ 02 tháng 01 năm 2008 với tên giao dịch là: Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV. Công ty có vốn điều lệ là: 120.850.000.000 đồng (một trăm hai mươi tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam); trong đó vốn Nhà nước nắm giữ là: 54,03%;

Dưới sự hướng dẫn của Tập Đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 4648/TKV-HĐTV ngày 19/8/2010 và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Công ty đã làm thủ tục đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV sang Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin và tăng vốn điều lệ từ 120.850.000.000 đồng lên 150.839.520.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng. Đăng ký vốn Điều lệ và đổi tên Công ty từ ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Năm 2016, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đã phát hành 6.334.394 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ từ 150.839.520.000 đồng lên 214.183.460.000 đồng. Đăng ký vốn Điều lệ của Công ty từ ngày 28 tháng 10 năm 2016.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng (ngành nghề chính).

- Địa bàn hoạt động chính: Công ty khai thác, chế biến, tiêu thụ than trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;

+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên;

+ Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);

- + Ban Giám đốc có: 01 Giám đốc điều hành, 05 Phó Giám đốc;
- + Kế toán trưởng: 01 thành viên;
- + Các phòng ban, công trường phân xưởng gồm: 15 Phòng ban 01 Trạm y tế, 26 Phân xưởng đơn vị sản xuất tổ chức theo mô hình sau:

(Có sơ đồ tổ chức bộ máy điều hành của Công ty kèm theo- Phụ lục 01).

- Các công ty con, công ty liên kết: Không

5. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Trong năm 2016, Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hầm lò hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam với công nghệ cơ giới hoá từ việc đi lại trong lò đến khâu khai thác.

- + Duy trì áp dụng giá TLDD cho khai thác các vỉa dốc từ 35-:45 độ.

+ Đánh giá khả năng áp dụng giá thủy lực ZH-1600 để áp dụng tối đa cho khai thác các vỉa có độ dốc thoải. Đánh giá lại tài liệu địa chất các khu vực có khả năng áp dụng, nghiên cứu thay thế giá ZH-1600 bằng giá chống kết hợp máy khâu than để tăng công suất lò chợ.

+ Theo dõi đánh giá khả năng áp dụng giàn mềm ZRY để nhân rộng và áp dụng cho khai thác các vỉa dốc > 45 độ tận thu tối đa tài nguyên.

+ Duy trì diện sản xuất ổn định cho máy com bai đào lò (AM-50Z) đối với gương lò than tiết diện lớn nhằm tăng sản lượng, tiến độ, cùng với việc sử dụng băng tải đưa vào hoạt động phục vụ thi công đào lò và khai thác lò chợ nhằm giảm nhân lực dây truyền và tăng năng suất lao động.

+ Duy trì áp dụng công nghệ chống lò bằng vôi neo nhằm tăng năng suất lao động cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động trong khâu VCVL vì chống lò. Cơ giới hóa cho công tác xúc bốc, vận chuyển cho các gương.

+ Nghiên cứu lựa chọn công nghệ khai thác hợp lý đối với vỉa dốc đứng tận thu tối đa tài nguyên bằng công nghệ sử dụng dàn mềm ZRY thay thế công nghệ khai thác Buồng lò thượng chéo, đào lò lấy than.. (có nguy cơ mất an toàn cao).

+ Đẩy nhanh tiến độ dự án xuống sâu khai thác dưới mức -250; nhằm duy trì ổn định sản xuất cho các năm tiếp theo khi kết thúc khai thác mức -250;

6. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:

- Đối với Công ty điều kiện làm việc tập chung ở độ sâu dưới từ mức -100 đến -250 so với mực nước biển, nằm dưới các khu vực đã khai thác cũ, khu

vực đổ thải, khu vực đã khai thác lộ vỉa. Các khu vực này đều có nguy cơ tăng trữ nước rồi thấm thấu trực tiếp xuống các đường lò từ mức -100 đến -250 gây nguy cơ bụi nước, khí trong quá trình khai thác và đào lò.

- Điều kiện tổ chức thi công khó khăn do diện sản xuất thu hẹp; điều kiện thông gió, vận tải, thoát nước, đi lại làm việc ... ngày càng phức tạp làm ảnh hưởng năng suất lao động.

- Bên cạnh đó công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập về thủ tục, hướng dẫn pháp luật... dẫn đến làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của công nhân.

- Thời gian công nhân để gắn bó làm việc với nghề khai thác mỏ là rất ngắn do đó việc đào tạo và bố trí nhân lực cho đủ dây truyền sản xuất chưa đạt được.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2016 là năm hết sức khó khăn đối với ngành than, căn cứ tình hình tiêu thụ, Tập đoàn TKV cân đối điều hành, điều chỉnh sản xuất cho phù hợp với thị trường đảm bảo ổn định sản xuất, tồn kho hợp lý. Để chia sẻ, phát huy tinh thần Kỷ luật- Đồng tâm để cùng nhau ổn định sản xuất, Công ty đã điều chỉnh kế hoạch sản xuất năm 2016 cho phù hợp với tình hình chung của Tập đoàn TKV các chỉ tiêu sản xuất được điều chỉnh như sau:

+ Than sản xuất:	1.345.000/1.700.000	= 80,3% KHĐN
Trong đó: Than hầm lò:	1.200.000/1.500.000	= 80,0% KHĐN
Than lộ thiên:	145.000/175.000	= 82,9% KHĐN
+ Mét lò đào	15.200/19.100	= 79,6% KHĐN
+ Tiêu thụ than	1.323.000/1.639.000	= 80,7% KHĐN
+ Doanh thu than	1.539.560/1.840.030	= 83,7% KHĐN

- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch ĐHCĐ thông qua	Kế hoạch Điều chỉnh thông qua	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ TH/KH năm	
						Kế hoạch Điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐHCĐ thông qua
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4=1/2)	(5=3/1)
1	Sản lượng						
1.1	Than sản xuất	10 ³ Tấn	1.675	1.345	1.346	100,1	80,4
	+ Hầm lò		1.500	1.200	1.195	99,6	79,7
	+ Lộ thiên		150	145	151	102,9	85,3
1.2	Đất đá bốc xúc	10 ³ M3	2.439	1.456	1.443	99,1	59,2
1.3	Mét lò đào	m	19.100	15.200	14.935	98,3	78,2
1.4	Than tiêu thụ	10 ³ tấn	1.639	1.323	1.319	99,7	80,5

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua	Kế hoạch Điều chỉnh thông qua	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ TH/KH năm	
						Kế hoạch Điều chỉnh thông qua	Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4=1/2)	(5=3/1)
2	Tổng doanh thu	Tr.đg	1.840.030	1.539.560	1.592.542	103,4	86,5
	Trg đó: DT than	Tr.đg	1.840.030	1.532.898	1.590.547	103,8	86,4
3	Giá trị đầu tư	Tr.đg	214.909	203.256	143.290	69,7	66,6
	- Xây lắp	Tr.đg	79.500	58.869	48.999	84,2	61,6
	- Thiết bị	Tr.đg	119.552	136.313	90.262	64,5	75,5
	- Chi phí khác	Tr.đg	15.857	8.073	4.029	54,3	25,4
4	Lợi nhuận	Tr.đg	24.538	19.747	28.323	143,4	115,4
5	Cổ tức	%	6,0		6,0		

* Đánh giá chung: Năm 2016, Là năm khó khăn đối với ngành than do ảnh hưởng thị trường than trên thế giới giảm sâu, than nhập khẩu giá rẻ chiếm thị phần của than trong nước, Chính sách của Nhà nước có những thay đổi theo hướng bất lợi cho ngành than, nhất là việc tăng thuế, phí làm tăng giá thành, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm than trên thị trường. Tuy nhiên Công ty đã có các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý, quyết liệt nâng cao chất lượng than vì vậy lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính sản xuất của công ty đạt được kết quả đáng ghi nhận: Lợi nhuận đạt 28.323 triệu đồng/kế hoạch điều chỉnh 19.747 triệu đạt 143,4%; đảm bảo thu nhập của người lao động và cổ tức của các cổ đông.

2. Tổ chức và nhân sự

a) *Danh sách Ban điều hành và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty*

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ % MDC		Ghi chú
			Đại diện	Các nhân	
1	Nguyễn Trọng Tốt	Giám đốc		0,013	
2	Tạ Văn Bền	P.Giám đốc		0,041	
3	Vũ Tiến Quang	P.Giám đốc		0,005	
4	Bùi Văn Kiểm	P.Giám đốc		0,016	
5	Hoà Quang Trung	P.Giám đốc		0,016	
6	Hoàng Trọng Hiệp	P.Giám đốc		0,004	
7	Phạm Thị Hải	KT trưởng		0,015	

sb

b) Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành: Trong năm 2016, Công ty không có sự thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành.

- Sở hữu của những người có liên quan: Trong năm 2016 có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu do Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ theo tỷ lệ: 1/0,42 nên số lượng cổ phiếu của các cổ đông đã có sự thay đổi tăng lên 1,42 so với số lượng đã công bố, tỷ lệ sở hữu không thay đổi.

- Các khoản nợ và các khoản lợi ích khác đối với Công ty: Không.

c) Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty: Số cán bộ công nhân viên của Công ty bình quân năm 2016: 3.815 người.

d) Chính sách đối với người lao động

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/ năm và đối với lao động nữ và công nhân làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/ năm; Duy trì tắm nóng, xông hơi, ăn tự chọn, chế độ tiền lương được cải thiện, bình quân đạt 10.658.000 đồng/người/ tháng. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Cùng với sản xuất kinh doanh năm 2016 Công ty thực hiện chuyển tiếp 03 dự án đầu tư: Dự án đầu tư XDCT khai thác giai đoạn II; Dự án xây dựng khu nhà ở công nhân; Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2015. Thực hiện đầu tư mới 01 dự án: Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016. Kết quả thực hiện các dự án như sau:

(1) Dự án Đầu tư XDCT khai thác giai đoạn II:

Mục tiêu đầu tư nhằm duy trì sản lượng khai thác than mỏ than Mông Dương theo Quy hoạch phát phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, tổng mức đầu tư dự án 1.204.513 triệu đồng, lũy kế thực hiện đến thời điểm 31/12/2015 là 1.081.499 triệu đồng, thời gian hoàn thành dự án đến năm 2018. Khối lượng thực hiện năm 2016 gồm: (i) Khoan khảo sát địa chất công trình nhà điều hành sản xuất công trường số 2, (ii) Thăm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án điều chỉnh, (iii) Xây dựng nhà che trạm quạt quạt gió chính 2K56-N024 rãnh gió +20, (iv) Xây dựng

đường dây trên không 6kv... với tổng giá trị thực hiện năm 2016 là 15.957 triệu đồng

(2) Dự án Xây dựng nhà ở công nhân:

Mục tiêu đầu tư là phục vụ nhu cầu nhà ở tập thể cho công nhân (hộ độc thân và tái định cư cho những gia đình công nhân cán bộ hiện đang sinh sống trong khu này) của Công ty. Tổng mức đầu tư dự án 267.368 triệu đồng được chia làm hai giai đoạn, giai đoạn I xây dựng lô C2 với tổng mức đầu tư 69.804 triệu đồng thời gian thực hiện năm 2013-:-2014; giai đoạn II xây dựng lô C1, C3 thời gian thực hiện năm 2015-:-2016. Luỹ kế thực hiện giai đoạn I đến thời điểm 31/12/2016 là 74.643 triệu đồng. Công ty đang tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng lô nhà C2, tới thời điểm kết thúc năm về cơ bản các hạng mục đã hoàn thiện có thể đưa vào sử dụng.

(3) Dự án đầu tư thiết bị DT SX năm 2015: Thực hiện xong 04 gói thầu còn lại năm 2015 chuyển tiếp sang: Cân điện tử ô tô 80 tấn + 02 cân băng tải; Thiết bị an toàn; và hai gói tư vấn khác.

(4) Dự án đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2016:

Mục tiêu đầu tư dự án, đầu tư mới thay thế một số thiết bị đã hết khấu hao, thay thế và đổi mới vật liệu chống giữ lò chợ trong khai thác để tăng năng suất lao động, đảm bảo an toàn đáp ứng mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của mỏ năm 2016 và các năm tiếp theo. Tổng mức đầu tư dự án 117.123 triệu đồng, thời gian hoàn thành dự án đến năm 2017. Khối lượng thực hiện năm 2016 gồm: Máy xúc, xe gát, máy nén khí, vật liệu chống lò...tổng giá trị thực hiện năm 2016 là 67.025 triệu đồng.

Tổng giá trị đầu tư thực hiện là: 143.290 tr.đồng/KH: 205.450 tr.đồng, đạt 69,7%.

Trong đó: + Xây lắp 48.999 tr.đồng/ KH: 58.191 tr.đồng; đạt 84,%,

+ Thiết bị: 90.262 tr.đồng/KH: 139.833 tr.đồng; đạt 64,5%.

+ Chi phí quản lý, tư vấn và khác: 4.029 tr.đồng/KH: 7.426 tr.đồng; đạt 54,3%.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính năm 2016

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)
1	Tổng tài sản	1.186.828.595.374	1.319.827.194.690	111,2
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.566.350.616.674	1.590.547.572.010	101,5
4	Giá vốn hàng bán	1.363.511.111.566	1.353.920.232.737	99,3
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	202.839.505.108	236.627.309.273	116,8

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm
(A)	(B)	(1)	(2)	(3=2/1)
6	Doanh thu hoạt động tài chính	172.719.210	584.536.753	339,5
7	Chi phí tài chính	46.873.079.762	48.784.245.425	104,1
8	Chi phí bán hàng	16.664.973.652	16.722.250.940	100,3
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	139.408.169.547	141.338.347.545	101,4
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	66.001.357	30.367.002.116	406,1
11	Thu nhập khác	2.824.850.478	1.411.807.526	50,1
12	Chi phí khác	2.450.577.651	3.001.585.703	122,5
13	Lợi nhuận khác	374.272.827	-1.589.778.177	-424,8
14	Tổng LN kế toán trước thuế	440.274.184	28.777.223.939	654,0
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	354.749.704	6.706.175.528	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	85.524.480	22.071.048.411	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4	726	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,55	0,69	
<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>			
- Hệ số thanh toán nhanh	0,5	0,63	
<i>(TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,81	0,81	
- Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu	4,31	4,39	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	39,43	40,45	
<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>			
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,32	1,21	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ DT Thuần	0,01	11,76	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	0,04	9,02	

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,01	1,67	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ DT Thuần	0,004	1,91	

c) Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	Thuế	250.075.867.839	256.906.661.949
-	Thuế giá trị gia tăng	141.049.523.976	108.071.974.399
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.000.000.000	3.160.138.137
-	Thuế thu nhập cá nhân	3.756.117.551	103.733.169
-	Thuế tài nguyên	97.531.787.910	142.184.555.969
-	Thuế đất và tiền thuê đất	1.712.110.402	3.201.164.153
-	Các loại thuế khác	26.382.000	185.096.122
2	Các loại phí và lệ phí	123.553.981.018	212.957.232.482
-	Phí bảo vệ môi trường	12.234.710.000	13.171.379.500
	Tổng cộng	373.629.848.857	469.863.894.431

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 21.418.346 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: (Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 16/3/2016)

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
A	Cơ cấu cổ đông	21.418.346	100%	21	2.056
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	11.571.854	54,03%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết	3.639.268	16,99%	1	
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết	479.734	2,239%		1
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	5.727.490	26,74%	19	2.055
	<i>Trong đó cổ đông là CBCNV trong Công Ty</i>	<i>1.689.907</i>	<i>7,89%</i>		<i>968</i>
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		

B	Trong đó:				
1	Vốn Nhà nước	11.571.854	54,03%	1	
2	Vốn nước ngoài	3.682.768	17,11%	3	10

*** Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty**

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 11.571.854 cổ phần, chiếm 54,03% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Raw & Refined Commodities ag – Thụy Điển: nắm giữ 3.639.268 cổ phần, chiếm 16,99 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2016 Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ, cụ thể:

- Giá trị chứng khoán ban đầu: 150.839.520.000 đồng;
- Số lượng chứng khoán đăng ký bổ sung: 6.334.394 cổ phiếu;
- Giá trị chứng khoán đăng ký bổ sung: 63.343.940.000 đồng;
- Số lượng chứng khoán đăng ký hiện tại: 21.418.346 cổ phiếu;
- Tổng giá trị chứng khoán đăng ký hiện tại: 214.183.460.000 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2016 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng theo công nghệ khai thác lò đứng. Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là thiết bị đào lò và giàn chống, giá chống thủy lực phục vụ cho khai thác than.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Tiêu thụ trực tiếp: 28.873.163 kw/h;
- Tiêu thụ gián tiếp: 1.055,8 tấn than và 7.482 lít dầu diesel

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: 875.012 kw/h

6.3. Tiêu thụ nước xử lý nước thải

36

a) Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin tiêu thụ nước sạch từ 02 nguồn cung cấp nước chính là nguồn nước xử lý tái sử dụng từ các trạm xử lý nước thải mỏ và nguồn nước cấp cho ăn uống từ hệ thống nước sạch của Công ty nước sạch Cẩm Phả cụ thể lượng nước sử dụng như sau.

- Nguồn nước xử lý tái sử dụng từ nước thải mỏ cung cấp cho các nhu cầu như: Tắm giặt, các khu nhà vệ sinh, phun sương dập bụi,..., rửa xe là: 211.700m³.

- Nguồn nước sạch Cẩm Phả cung cấp phục vụ nước ăn uống và lọc nước tinh khiết với khối lượng là: 38.300m³.

b) Tổng số tiền bị phạt vi phạm các quy định về môi trường: Năm 2016 Công ty không bị phạt do vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động trung bình trong năm của Công ty: 3.815 người.

Mức lương bình quân năm 2016: 10.638.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty đã tập trung xem xét, đầu tư cơ giới hóa tối đa hệ thống vận chuyển vật liệu cho hầm lò. Đặc biệt là vận chuyển gần gương cho các đơn vị đào lò; Duy trì hệ thống vận chuyển người trên các tuyến lò nghiêng, các tuyến lò bằng từ 1.000 mét trở lên; Ngoài ra duy trì và đầu tư đổi mới thiết bị khoan, xúc đất đá cho các gương lò đào, các thiết bị công nghệ mới trong hệ thống vận chuyển... để giảm sức lao động cho công nhân hầm lò.

- Công ty có xe đưa đón công nhân đi làm theo các tuyến Tiên Yên, Vân Đồn, Quang Hanh và Cẩm Phả; từ nhà giao ca tới các vị trí sản xuất được đưa đón bằng ô tô, tàu điện và goòng chở người; Tổ chức chế độ ăn định lượng, ăn giữa theo hình thức ăn tự chọn đảm bảo đủ chất, lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm; Phục vụ tắm nước nóng, giặt sấy quần áo, ủng BHLĐ cho lao động làm việc dưới hầm lò.

- Tập trung soát xét và tổ chức sử dụng triệt để tối đa các loại vật tư vật liệu và khai thác tối đa tài nguyên than để giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận và có cổ tức cho Cổ đông.

- Công ty xây dựng xong và đưa vào sử dụng 01 lô nhà tập thể 9 tầng trong khu nhà ở công nhân với 96 phòng với đầy đủ tiện nghi, giải quyết chỗ ở cho 384 công nhân.

- Thường xuyên tổ chức hoạt động văn hoá, thể thao, vui chơi giải trí như: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tennis và các hoạt động văn hóa văn nghệ khác nhưng thực tế các hoạt động chưa thể trở thành phong trào.

- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm. Ngoài ra người lao động ốm đau được khám chữa bệnh, cấp phát thuốc và điều trị nội trú, ngoại trú cho CBCNV trong Công ty theo đúng luật BHYT quy định. Thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ đối với người lao động như: nghỉ hưu, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, tham quan nghỉ mát... Trong năm 2016 Công ty đã giải quyết cho 103 người nghỉ chế độ hưu trí, 355 người đi nghỉ điều dưỡng, 1.339 người đi thăm quan nghỉ mát

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Tuyển học sinh khai thác hầm lò gửi đi đào tạo theo Quy chế 2441 của TKV năm 2016 tuyển được 136/250 học sinh.

- Bồi dưỡng, huấn luyện nâng cao trình độ:

+ Phối hợp với trường cao đẳng nghề than huấn luyện bồi dưỡng thông gió mỏ cho CBCNV các đơn vị.

+ Mời Cục An toàn Bộ Công thương về huấn luyện cấp chứng chỉ tiếp xúc với VLNCN. Mở các lớp đào tạo kiêm nghề cho Công nhân: Vận hành các Trạm, máy, các thiết bị có tính đặc thù, có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn...

- Phối hợp với các trường thực hiện các biện pháp về quản lý giáo dục học sinh, tổ chức kiểm tra đánh giá kỹ năng nghề cho học sinh sau thực tập tại Công ty. Tổ chức tiếp nhận và bố trí cho 100% số học sinh đào tạo theo chỉ tiêu của Công ty sau khi tốt nghiệp tiếp nhận về công tác tại Công ty. Tổ chức hướng dẫn An toàn các bước và giáo dục định hướng theo chương trình khung được duyệt. Tổ chức kiểm tra sát hạch kết quả sau thử việc, tập việc theo đúng các quy chế quản lý và đúng luật lao động.

Biểu tổng hợp chi tiết kết quả thực hiện công tác đào tạo năm 2016.

TT	Nội dung	Số lớp/đợt	Số người	Ghi chú
1	Tuyển lao động đi đào tạo nghề		136/250	đạt 84%
2	Đào tạo kiêm nghề, thêm nghề	2	313	
3	Đào tạo chuyển giao công nghệ	7	143	
4	Huấn luyện An toàn, giáo dục định hướng cho lao động mới	9	204	
5	Bố trí thực tập cho học sinh	14	165	

Ngày 19/6/2016 Công ty tổ chức Hội nghị kiểm điểm công tác đào tạo, quản lý lao động năm 2015 và 5 tháng đầu năm 2016. Hội nghị đã kiểm điểm lại những mặt đã làm được, chưa làm được và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong 7 tháng cuối năm và những năm tiếp theo.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ sản xuất đối với Nhà nước, đời sống của cán bộ, công nhân viên luôn luôn được cải thiện, năm sau cao hơn năm trước, các phong trào quyên góp, ủng hộ, công các xây dựng Địa phương, công tác xã hội luôn được Công ty coi trọng và tham gia đầy đủ; chính sách thu hút nhân tài, người lao động luôn được quan tâm.

Năm 2016 vừa qua Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện đi lại và làm việc cho công nhân hầm lò, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân trong Công ty.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2016, Là năm khó khăn đối với ngành than do ảnh hưởng thị trường than trên thế giới giảm sâu, than nhập khẩu giá rẻ chiếm thị phần của than trong nước, Chính sách của Nhà nước có những thay đổi theo hướng bất lợi cho ngành than, nhất là việc tăng thuế, phí làm tăng giá thành, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm than trên thị trường. Tuy nhiên Công ty đã có các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý, quyết liệt nâng cao chất lượng than vì vậy lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính sản xuất của công ty đạt được kết quả đáng ghi nhận: Than sản xuất đạt 1346.10^3 tấn / $1.345.10^3$ tấn đạt 100,1% kế hoạch, Doanh thu vượt kế hoạch điều chỉnh 1.592 tỷ đồng/1.539 tỷ đồng bằng 103,4% kế hoạch, Lợi nhuận trước thuế đạt 28.323 triệu đồng/kế hoạch điều chỉnh 19.747 triệu đạt 143,4%; đảm bảo thu nhập của người lao động và cổ tức của các cổ đông.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản năm 2016

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	1.186.828.595.374	1.319.827.194.690
1.1	Tài sản ngắn hạn	364.072.347.630	382.353.470.846
1.2	Tài sản dài hạn	822.756.247.744	937.473.723.844
	Trong đó: TSCĐ HH	641.143.417.453	537.095.773.382
2	Doanh thu thuần	1.569.348.186.362	1.592.543.886.289
3	Lợi nhuận trước thuế	440.274.184	28.777.223.939

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)
4	Lợi nhuận sau thuế	85.524.480	22.071.048.411

Trong năm 2016, Công ty đã đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ các dự án khai thác, duy trì sản xuất và xây dựng lô nhà C2 khu nhà ở công nhân là: 143.289 triệu đồng. Hình thành tài sản cố định trích khấu hao (tăng tài sản) là: 87.258 triệu đồng. Thiết bị đầu tư dở dang cuối kỳ là: 106.094 triệu đồng, nguyên nhân do một số thiết bị đầu tư mua sắm thực hiện vào cuối Quý IV nên công tác vận hành chạy thử, nghiệm thu đưa vào sử dụng đều sau ngày 31/12/2016 và Lô nhà C2 khu nhà ở Công nhân đang ở giai đoạn hoàn thiện để đưa vào sử dụng, giá trị: 74.643 triệu đồng.

- Hiệu quả sử dụng tài sản cố định năm 2016 được đánh giá qua chỉ tiêu Doanh thu thuần /Giá trị tài sản cố định đạt: 2,96 (Tỷ số này cao chứng tỏ tình hình hoạt động của doanh nghiệp tốt đã tạo ra doanh thu thuần cao hơn so với tài sản cố định, chứng tỏ việc đầu tư vào tài sản cố định của doanh nghiệp là xác đáng, cơ cấu hợp lý, hiệu suất sử dụng cao).

- Ngoài chỉ tiêu đã nêu trên thì công tác theo dõi trích khấu hao tài sản cố định phục vụ cho sản xuất để thu hồi vốn đầu tư của Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật thuế và chuẩn mực kế toán doanh nghiệp.

b) Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015 (đồng)	Năm 2016 (đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	(2)	(1)	(3=1/2)
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	663.953.037.222	556.075.771.896	83,7
1	Vay và nợ ngắn hạn	127.302.644.132	254.433.548.033	199,8
2	Phải trả, phải nộp khác	259.086.456.858	8.345.836.142	3,2
3	Phải trả người bán	121.009.788.024	160.652.579.946	132,8
B	Nợ dài hạn	299.286.683.543	518.969.246.650	173,4
1	Vay và nợ dài hạn	299.286.683.543	518.969.246.650	173,4
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	963.239.720.765	934.055.374.629	96,9

Tổng các khoản nợ phải trả giảm so với đầu kỳ là: (29.184) triệu đồng, tương ứng giảm 3,1%, không có nợ quá hạn, nợ xấu, Trong năm 2016, Công ty vẫn thường xuyên thu xếp ổn định dòng tiền để thực hiện nộp ngân sách Nhà nước, thanh toán công nợ, và trả lương CBCNV đúng thời hạn quy định.

Để thực hiện tốt khâu thanh toán nợ Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ, chứng từ, hợp đồng mua bán, đối chiếu công nợ hàng tháng, quý, năm. Thực hiện nghiêm túc quy định thanh toán của Tập đoàn, tích cực thu hồi công nợ phải thu giảm nợ phải trả. Khẩn trương hoàn thành các hạng mục công trình

đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng tăng tài sản trích khấu hao để có nguồn trả nợ gốc vay dài hạn. Linh hoạt trong sử dụng dòng tiền để hạn chế vay nợ ngắn hạn, cân đối vay nợ dài hạn cho phù hợp, tiết kiệm nguồn vốn để giảm gốc vay và lãi vay ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Ban Giám đốc chỉ đạo thường xuyên rà soát lại cơ cấu tổ chức của các đơn vị, phòng ban và định biên lao động hợp lý theo hướng tăng cường lực lượng lao động cho khai thác và đào lò, giảm lao động quản lý gián tiếp phòng ban, phục vụ phụ trợ;

Năm 2016 đã tiết giảm được 187 lao động gián tiếp phòng ban, phục vụ phụ trợ. Đặc biệt là tuy chuyển đổi, giảm số phòng ban, giảm lao động như trên, nhưng các đơn vị, phòng vẫn hoạt động ổn định, đáp ứng được yêu cầu sản xuất của Công ty. Qua đây có thể nói rằng việc cơ cấu lại tổ chức và định biên lại lao động của các đơn vị phòng đã phát huy hiệu quả, cần được duy trì, phát huy.

Công ty tổ chức thực hiện tốt các Quy định của Pháp luật về Bảo vệ Môi trường và các công trình văn hóa phục vụ cộng đồng; Nhận thức trách nhiệm đối với công việc, về văn hoá doanh nghiệp trong mỗi cán bộ công nhân viên chức của Công ty được củng cố và nâng lên rõ rệt; Đời sống vật chất tinh thần và các giá trị phục vụ đối với công nhân viên chức được duy trì và cải thiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị- Xã hội để phát triển Công ty.

5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: (Không).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường:

Trong năm 2016 Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường cụ thể là đã kiểm soát được chất lượng môi trường không để các tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi trường nước và môi trường đất vượt các Quy chuẩn môi trường tương ứng.

- Đầu tư và duy trì sửa chữa các công trình hạ tầng trong các khu vực mặt bằng công nghiệp mở đảm bảo khung trang sạch sẽ góp phần cung địa phương xây dựng thành phố Cẩm Phả.



- Hàng năm thực hiện nạo vét khai thông các tuyến cống rãnh và suối thoát nước trong khu vực, quét dọn vệ sinh môi trường trong mặt bằng công nghiệp mỏ, các tuyến đường và khuôn viên phục vụ các hoạt động chung của Công ty và cộng đồng dân cư.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Công ty đã tổ chức nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới, phù hợp và có độ tin cậy về an toàn và giảm sức lao động thủ công cho Công nhân:

- Về công nghệ khai thác: Hiện nay 100 % lò chợ chống giữ bằng giá thủy lực di động, giảm thủy lực mềm... không còn lò chợ chống gỗ, thủy lực đơn.

- Về đào chống lò: Công ty đã đầu tư máy khoan 2 cần, khoan tamroks và dây chuyền bốc xúc đất đá bằng các loại máy xúc lật hông, kết hợp goòng 3 tấn tàu điện AM 8Ä ; Duy trì dây chuyền đào lò bằng máy combai AM-50Z đối với những gương lò có điều kiện địa chất cho phép.

- Về vận tải: Đầu tư hệ thống dây chuyền vận tải trên các tuyến lò nghiêng điều kiện hợp lý lắp đặt băng tải vận chuyển đất đá, than; đường lò bằng dài hệ thống tàu điện AM 8Ä và goòng 3 tấn vận chuyển vật liệu, đất đá, than; đầu tư hệ thống Camera theo dõi ở các tuyến trục chính và các vị trí sản xuất; đầu tư hệ thống máy nạo vét than, đất đá dính goòng 3 tấn tại các mức trong hầm lò; Trang bị đầy đủ hệ thống mono ray, tời thuyền chở vật liệu đến tận gương lò giảm thiểu công tác vận chuyển thủ công; quy hoạch diện sản xuất cho các đơn vị phù hợp giảm thiểu tối đa số lần chuyển điện trong năm.

- Các giải pháp về vận chuyển người từ cửa lò đến gần gương lò: Công ty đã cơ giới hóa toàn bộ tuyến đi lại và làm việc trong hầm lò, trang bị các thiết bị máy móc giảm bớt sức lao động và an toàn trong quá trình sản xuất:

- Duy trì 04 hệ thống tời chở người ở các tuyến lò nghiêng phục vụ công tác đi lại cho CBCN, duy trì việc vận chuyển người trong các tuyến lò bằng ở các mức bằng hệ thống tàu điện AM 8Ä và toa xe chuyên dùng.

- Lắp đặt hệ thống phun sương dập bụi tại mặt bằng sân công nghiệp và các vị trí sản xuất trong hầm lò có hàm lượng bụi cao.

- Công ty đã đầu tư hệ thống cảnh báo khí mêtan tự động của Balan với 02 tủ KSP-2C được kết nối với 50 đầu đo khí CH₄, 18 đầu đo khí CO, 16 đầu đo gió tại các vị trí quan trọng, 03 đầu đo hạ áp, 05 đầu đo H₂ và duy trì hệ thống luôn trong tình trạng hoạt động ổn định.

- Công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Công ty đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác đào tạo, đào thêm nghề cho một số đối tượng đáp ứng được yêu cầu SXKD và nguyện vọng của cá nhân.

- Công tác tuyển lao động để đưa đi đào tạo nghề: Năm qua Công ty đã phối kết hợp với các trường để tuyển dụng lao động, chủ động liên hệ với các địa phương vùng cao, vùng có khó khăn về kinh tế, việc làm trong Tỉnh để tuyển lao động đi đào tạo thợ lò. Tuy nhiên kế quả chưa đạt được kế hoạch đã đặt ra.

- Xây dựng cơ chế cho công nhân các đơn vị khai thác, đào lò và cơ điện lò được cộng dồn ngày nghỉ luân phiên trong tháng, nếu đã đi làm đủ công, đủ định mức theo chế độ được nghỉ liền đến 6 ngày để giải quyết việc cá nhân (có cấp giấy cho nghỉ nếu đăng ký về quê).

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2016, Công ty đã chi giúp địa phương, các đơn vị, các gia đình khó khăn trên địa bàn và các hoạt động khác: 1.182,7 triệu đồng; Chi phí thăm hỏi, ốm đau, thăm viếng: 1.384 triệu đồng; hỗ trợ gia đình chính sách và công nhân tai nạn lao động 334,6 triệu đồng, Hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam- Dioxin, trẻ mồ côi và phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng: 86 triệu đồng; Chi ủng hộ các phòng trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, phong trào đoàn thanh niên: 885,9 triệu đồng. Tất cả những hoạt động đã có tác dụng động viên công nhân viên chức gắn bó xây dựng Công ty, đồng thời cũng gắn kết với cộng đồng dân cư trên địa bàn sâu sắc hơn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Năm 2016, Là năm khó khăn đối với ngành than do ảnh hưởng thị trường than trên thế giới giảm sâu, than nhập khẩu giá rẻ chiếm thị phần của than trong nước, Chính sách của Nhà nước có những thay đổi theo hướng bất lợi cho ngành than, nhất là việc tăng thuế, phí làm tăng giá thành, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm than trên thị trường. Tuy nhiên Công ty đã có các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý, quyết liệt nâng cao chất lượng than vì vậy lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính sản xuất của công ty đạt được kết quả đáng ghi nhận: Lợi nhuận đạt 28.323 triệu đồng/kế hoạch điều chỉnh 19,747 tỷ đạt 143,4%; đảm bảo thu nhập của người lao động và cổ tức của các cổ đông.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty: Trong thực hiện nhiệm vụ do Điều lệ quy định và cụ thể hoá bằng các quy chế quản lý, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện một cách khẩn trương, kịp thời khắc phục khó khăn đề ra nhiều biện pháp quản lý và có hiệu quả trong điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản- an toàn lao động.

- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý: Các cán bộ quản lý của Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc và giao Giám đốc Công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc, các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao, chỉ đạo điều hành các phòng, ban công trường phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống

đổi thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc đạt hiệu quả.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Xây dựng Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hầm lò hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với công nghệ cơ giới hoá từ việc đi lại trong lò đến khâu khai thác.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành/Độc lập/Không điều hành	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
				Đại diện	Sở hữu	
1	Nguyễn Văn Dậu	Chủ tịch	Không ĐH	54,03	0	01.01-:- 31.12.2016
2	Nguyễn Trọng Tốt	Ủy viên	Điều hành		0,013	01.01-:- 31.12.2016
3	Bùi Văn Kiểm	Ủy viên	Điều hành		0,016	01.01-:- 31.12.2016
4	Phạm Thị Hải	Ủy viên	Điều hành		0,015	01.01-:- 31.12.2016
5	Vadym D'omin	Ủy viên	Không ĐH	16,99	0	01.01-:- 31.12.2016

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 02 (hai) thành viên không điều hành và 03 (ba) thành viên điều hành. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên thể hiện tại bảng chi tiết nêu trên.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Nguyễn Văn Dậu đồng thời là (1) Chủ tịch Hội đồng quản trị ba đơn vị: Công ty cổ phần Địa chất mỏ- Vinaomin; Công ty cổ phần Địa chất Việt Bắc –Vinacomin và Công ty cổ phần than Núi Béo- Viancomin; (2) Chủ tịch công ty của Công ty TNHH MTV Môi trường- TKV.

b) **Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị:** Công ty không thành lập tiểu ban.

c) **Hoạt động của Hội đồng Quản trị:** Trong năm 2016 Hội đồng Quản trị Công ty không có sự thay đổi về nhân sự, Các Ủy viên HĐQT thực hiện nghiêm túc chức trách nhiệm vụ được giao, cụ thể:

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đã thực hiện 17 lần tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 17 Nghị quyết liên quan đến sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các

lĩnh vực khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, Nội dung các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (*Phụ lục 02 kèm theo*):

- Ban hành, sửa đổi bổ sung hoàn thiện 03 (ba) Quy chế quản lý của Công ty làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

d) Hoạt động của uỷ viên Hội đồng Quản trị không điều hành (Độc lập)

Trong năm 2016, ông Vadym D'omin là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng Quản trị, nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu ban Kiểm soát : Trong năm 2016, Ban Kiểm soát Công ty có sự thay đổi về nhân sự, Các thành viên Ban Kiểm soát thay thế vị trí của thành viên Ban Kiểm soát miễn nhiệm thực hiện nghiêm túc chức trách nhiệm vụ được tiếp nhận, cụ thể:

(1.1) Miễn nhiệm Ông Mai Tất Lã, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty thôi giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát và thôi là thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2016.

(1.2) Bầu ông Nguyễn Xuân Bách, Người đại diện của Tập đoàn TKV tại Công ty vào Ban Kiểm soát và bầu giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2016.

(2.1) Miễn nhiệm Ông Ngô Quốc Tuấn, thành viên Ban Kiểm soát Công ty thôi là thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2016.

(2.2) Bầu bà Dương Hải Yến, chuyên viên Phòng Kế hoạch Công ty cổ phần than Mông Dương- Viancomin vào Ban Kiểm soát của Công ty kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2016.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
			Đại diện	Sở hữu	
1.1	Mai Tất Lã	Trưởng Ban		0,132%	01/01/2016-:- 27/4/2016
1.2	Nguyễn Xuân Bách	Trưởng Ban		0	27/04/2016-:- 31/12/2016
2.1	Ngô Quốc Tuấn	Thành viên		0,019%	01/01/2016-:- 27/4/2016
2.2	Dương Hải Yến	Thành viên		0,009%	27/04/2016-:- 31/12/2016
3	Nguyễn Thế Hanh	Thành viên		0,009%	01/01/2016-:- 31/12/2016

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát: Trong năm 2016 Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương- Viancomin tổ chức 04 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty. Nội dung các cuộc họp: Thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh và Thực hiện đầu tư XDCCB và báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, trong mỗi kỳ họp ban kiểm soát đều ban hành Biên bản làm việc tại cuối mỗi kỳ kiểm soát Ban Kiểm soát đã thống nhất biên bản và thông qua HĐQT, lãnh đạo điều hành Công ty để thống nhất các nhận xét đánh giá và kiến nghị của ban kiểm soát về hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, lãnh đạo điều hành Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCCB và tính cần trọng, trung thực trong báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty; và 02 cuộc họp tham gia thẩm định các dự án đầu tư và xây dựng kế hoạch SXKD hàng quý của Công ty.

- Tham các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty mời để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát công ty về việc tham gia các ý kiến trong quản lý điều hành và phê duyệt các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCCB, thẩm định và thông qua các quy chế quản lý của Công ty...

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

* *Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:* Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2016 với tổng số tiền là: 404.800.000 đồng (Bốn trăm linh bốn triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn).

* *Lương, thưởng của ban Giám đốc:* Ban giám đốc Công ty có 07 thành viên. Trong năm 2016, Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc và

36

Trưởng Ban Kiểm soát với tổng số tiền là: 3.192.722.772 đồng (Ba tỷ một trăm chín hai triệu bảy trăm hai hai ngàn bảy trăm bảy hai đồng)

* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2016 như sau:

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập tiền lương năm 2016	Thu nhập từ thù lao năm 2016	Cộng tổng số
1. Nguyễn văn Dậu	Chủ tịch HĐQT		64.800.000	64.800.000
2. VaDym D'omin	Ủy viên HĐQT		55.200.000	55.200.000
3.1. Mai Tất Lã	TB Kiểm soát		18.400.000	18.400.000
3.2. Nguyễn Xuân Bách	TB Kiểm soát	276.151.079		276.151.079
4.1. Ngô Quốc Tuấn	TV BKS		16.800.000	16.800.000
4.2. Dương Hải Yến	TV BKS		33.600.000	33.600.000
5. Nguyễn Thế Hanh	TV BKS		50.400.000	50.400.000
6. Nguyễn Trọng Tốt	UV HĐQT-G.ĐỐC	467.310.319	55.200.000	522.510.319
7. Tạ Văn Bền	P. GIÁM ĐỐC	414.120.238		414.120.238
8. Vũ Tiến Quang	P. GIÁM ĐỐC	414.120.238		414.120.238
9. Hòa Quang Trung	P. GIÁM ĐỐC	414.120.238		414.120.238
10. Bùi Văn Kiểm	UV HĐQT- PGĐ	414.120.238	55.200.000	469.320.238
11. Hoàng Trọng Hiệp	P. GIÁM ĐỐC	414.120.238		414.120.238
12. Phạm Thị Hải	UV HĐQT- KTT	378.660.184	55.200.000	433.860.184
Tổng cộng		3.192.722.772	404.800.000	3.597.522.772

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* (Không có)

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* Không có

d) *Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:* Trong năm 2016 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Ý kiến kiểm toán:** Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 55/2017/BCKT- PKF-VPC ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam.

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển 

tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, và được phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: **mongduongcoal.vn**

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

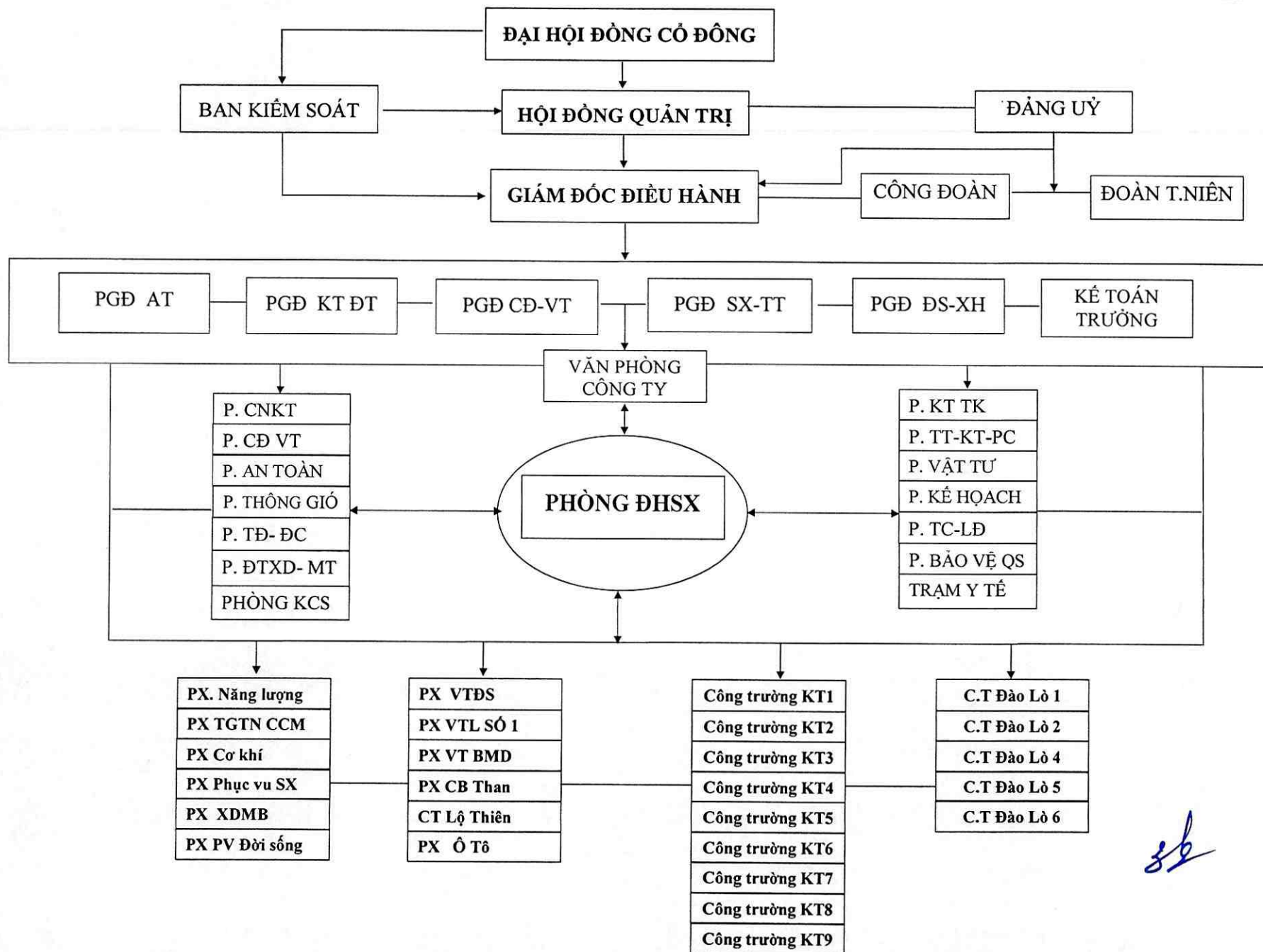
- UBCKNN, Sở GDCKHN, TT LKCKVN (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT (5)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Dậu

Phụ lục 01- SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN



sb

Phụ lục 02: Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2016

TT	Số, ký hiệu VB	Ngày tháng	Nội dung
1	03/NQ-HĐQT	15/01/2016	Nghị quyết họp HĐQT về Nhiệm vụ & Kế hoạch Lựa chọn nhà thầu lập phương án khoan khảo sát địa chất công trình khu nhà Điều hành Số 2
2	04/NQ-HĐQT	22/01/2016	Nghị quyết họp HĐQT về (1) Kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2015; (2) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, Điều hành Quý I-2016; (3) Sửa đổi và bổ sung một số nội dung của quy chế quản lý Vật tư; (4) Hạn mức kế hoạch vay vốn ngắn và dài hạn năm 2016; (5) Quy định về công bố, báo cáo và quy trình công bố thông tin- Công ty cổ phần than Mông Dương.
3	08/NQ-HĐQT	21/04/2016	NQ họp HĐQT Thông qua các nội dung (1) Kết quả SXKD quý I-2016 và Kế hoạch quý II- 2016; (2) Điều chỉnh giá gói thầu số 17 trong KHLCNT của dự án Xây nhà ở Công nhân; (3) Thông qua việc bổ nhiệm lại một số cán bộ hết nhiệm kỳ (Ô.Trung; Ô.Thủy; Ô.Hanh và bổ nhiệm Ông Đinh Hải Long giữ chức trưởng trạm y tế công ty; (4) Thông qua P/a tiền lương chuyên trách của Trưởng Ban Kiểm soát; (5) Thông qua phương án tiền lương của Công ty và giao tăng cường việc thực hiện tài cơ cấu theo chỉ thị 51/CTLT/TGĐ-CĐTKV; (6) Thông qua Chương trình và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
4	10/2016/NQ-ĐHĐCĐ	27/04/2016	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
5	13/NQ-HĐQT	27/04/2016	NQ họp HĐQT (1) Phê duyệt ĐC một số ND của gói thầu số 03: Lập BC đánh giá tác động MT của DA Đầu tư khai thác giai đoạn II, trong KHLCNT của dự án Đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh); (2) Phê duyệt Đề cương, DT và KHLCNT gói thầu số 04: Lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của DA Đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh)

TT	Số, ký hiệu VB	Ngày tháng	Nội dung
6	15/NQ-HĐQT	26/05/2016	Nghị quyết họp HĐQT Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
7	16/NQ-HĐQT	28/06/2016	NQ họp HĐQT về Thông qua phương án cơ cấu tổ chức và bố trí lao động các đơn vị Lộ thiên - Ô tô
8	20/NQ-HĐQT	30/06/2016	NQ họp HĐQT về Thông qua: (1) Dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016; (2) Bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu 21: Mua sắm trang bị giường, tủ, bàn ghế cho lô nhà C2 của dự án XD khu nhà ở công nhân- Công ty CP than Mông Dương.
9	22/NQ-HĐQT	22/07/2016	NQ họp HĐQT về Thông qua không TH gói thầu nạo vét bùn trong DA DTSX 2014, và đưa vào TH trong DA DTSX 2016
10	23/NQ-HĐQT	12/09/2016	Nghị quyết HĐQT v.v Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 03: Cung cấp máy xúc & xe gạt phục vụ sản xuất kinh doanh, thuộc dự án Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2016- Công ty cổ phần than Mông Dương.
11	26/NQ-HĐQT	22/09/2016	Nghị quyết HĐQT v.v Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02: Cung cấp tổ hợp giàn chống thủy lực mềm để chống giữ, khai thác lò chợ xiên chéo, thuộc dự án Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất năm 2016- Công ty cổ phần than Mông Dương.
12	30/NQ-HĐQT	30/09/2016	Nghị quyết họp HĐQT v.v Thông qua phương án bố trí cán bộ của một số đơn vị trong Công ty
13	34/NQ-HĐQT	13/10/2016	Nghị quyết họp HĐQT: Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2016 và Dự kiến điều chỉnh kế hoạch năm 2016; Thông qua kết quả thực hiện công tác đầu tư 9 tháng đầu năm 2016 và Dự kiến điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2016; Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Cung cấp tổ hợp giá chống thủy lực phân thể có độ dốc làm việc đến 450- thuộc dự án đầu tư thiết bị DTSX năm 2016.

36

TT	Số, ký hiệu VB	Ngày tháng	Nội dung
14	37/NQ-HĐQT	29/10/2016	Nghị quyết hợp HĐQT v.v Thông qua sắp xếp thang, bảng lương; chi bổ sung quỹ phúc lợi theo hướng dẫn của TKV và Thông qua PA cơ cấu lần 2 một số phòng, đơn vị SX
15	40/NQ-HĐQT	25/11/2016	Nghị quyết hợp HĐQT v.v Thông qua Phương án luân chuyển cán bộ năm 2016 (TP An toàn và TP Tổ chức Lao động)
16	43/NQ-HĐQT	14/12/2016	Nghị quyết hợp Hội đồng quản trị v.v Thông qua việc thanh lý Tài sản cố định
17	46/NQ-HĐQT	22/12/2016	Nghị quyết hợp Hội đồng quản trị v.v Điều chỉnh Kế hoạch sản lượng và kế hoạch đầu tư XD CB năm 2016; Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (Điều chỉnh); Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án đầu tư khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương (điều chỉnh)
18	49/NQ-HĐQT	29/12/2016	Nghị quyết hợp HĐQT v.v thông qua quyết toán vốn các dự án hoàn thành

36